BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: MH110902701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 22.2.22 **Giờ thi:** Ngày 30 **Phòng thi:** Trực tuyến

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040026	Nguyễn Danh Hoài	An	06/01/2003	An	9,0	chín	C23CK1	
2	2110040074	Nguyễn Quốc	Anh	10/07/2002	A	9,0	chín	C23CK1	
3	2110040015	Nguyễn Quốc	Bảo	13/08/2003	Bảo	7,0	Bảy	C23CK1	
4	2110040002	Trần Gia	Bảo	23/10/2003	Bảo	7,0	Bay	C23CK1	
5	2110040031	Nguyễn Hoài	Cảnh	19/11/2003	Cảnh	8,0	Tám	C23CK1	
6	2110040021	La Đình	Chương	19/10/2003	Chương	8,0	Tám	C23CK1	
7	2110040014	Châu Tiên	Cường	06/10/2002	Cường	10,0	Mười	C23CK1	
8	2110040018	Nguyễn Văn	Dự	15/10/2003	Dự	9,0	chín	C23CK1	
9	2110040012	Bùi Thành	Đạt	18/10/2003	Đạt	9,0	chín	C23CK1	
10	2110040027	Huỳnh Thanh	Hải	29/11/2000	Hải	8,0	Tám	C23CK1	
11	2110040023	Bùi Quốc	Huy	14/01/2003	Huy	8,0	Tám	C23CK1	
12	2110040004	Lê Văn Vũ	Hưng	27/11/2003	Hưng	8,0	Tám	C23CK1	
13	2110040028	Nguyễn Hữu	Khánh	07/05/2001	Khánh	7,0	Bảy	C23CK1	
14	2110040072	Lê Nguyễn Hoàng	Nam	10/10/2003	Nam	10,0	Mười	C23CK1	
15	2110040011	Nguyễn Hoàng	Nam	20/02/2003	Nam	10,0	Mười	C23CK1	
16	2110040003	Nguyễn Hoàng	Phúc	11/11/2003	Phúc	10,0	Mười	C23CK1	
17	2110040006	Đoàn Vĩnh	Quang	27/05/2003	Quang	10,0	Mười	C23CK1	
18	2110040010	Nguyễn Đức	Thịnh	29/01/2003	Thịnh	9,0	chín	C23CK1	
19	2110010109	Nguyễn Ái Quang	Thoại	06/04/2003	Thoại	9,0	chín	C23CK1	
20	2110040001	La Đặng Nguyên	Thuật	14/10/2001	Thuật	9,0	chín	C23CK1	
21	2110040017	Lê Minh	Trí	01/11/2003	Trí	10,0	Mười	C23CK1	
22	2110040032	Võ Bá	Tùng	02/06/2003	Tùng	8,0	Tám	C23CK1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 22 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 22 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 3 *tháng* 3 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 3 *tháng* 3 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thu

Trương Thị Ngọc Thu

Ngày in: 15:49 15/03/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: MH110902701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 1.3.22 **Giờ thi:** 10 giờ 30 **Phòng thi:** A1.7

Giám thị 1: Trương T.N.Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040026	Nguyễn Danh Hoài	An	06/01/2003	An	6,0	Sáu	C23CK1	
2	2110040074	Nguyễn Quốc	Anh	10/07/2002		8,5	Tám năm	C23CK1	
3	2110040015	Nguyễn Quốc	Bảo	13/08/2003		5,0	Năm	C23CK1	
4	2110040002	Trần Gia	Bảo	23/10/2003	Bảo	7,0	Bảy	C23CK1	
5	2110040031	Nguyễn Hoài	Cảnh	19/11/2003	Cảnh	7,0	Bảy	C23CK1	
6	2110040021	La Đình	Chương	19/10/2003	Chương	6,0	Sáu	C23CK1	
7	2110040014	Châu Tiên	Cường	06/10/2002		8,0	Tám	C23CK1	
8	2110040018	Nguyễn Văn	Dự	15/10/2003		7,0	Bảy	C23CK1	
9	2110040012	Bùi Thành	Đạt	18/10/2003		6,0	Sáu	C23CK1	
10	2110040027	Huỳnh Thanh	Hải	29/11/2000		7,0	Bảy	C23CK1	
11	2110040023	Bùi Quốc	Huy	14/01/2003		7,0	Bảy	C23CK1	
12	2110040004	Lê Văn Vũ	Hưng	27/11/2003	Hưng	7,0	Bảy	C23CK1	
13	2110040028	Nguyễn Hữu	Khánh	07/05/2001		5,0	Năm	C23CK1	
14	2110040072	Lê Nguyễn Hoàng	Nam	10/10/2003	Nam	10,0	Mười	C23CK1	
15	2110040011	Nguyễn Hoàng	Nam	20/02/2003		8,0	Tám	C23CK1	
16	2110040003	Nguyễn Hoàng	Phúc	11/11/2003		7,0	Bảy	C23CK1	
17	2110040006	Đoàn Vĩnh	Quang	27/05/2003		6,0	Sáu	C23CK1	
18	2110040010	Nguyễn Đức	Thịnh	29/01/2003	Thịnh	8,0	Tám	C23CK1	
19	2110010109	Nguyễn Ái Quang	Thoại	06/04/2003	Thoại	8,0	Tám	C23CK1	
20	2110040001	La Đặng Nguyên	Thuật	14/10/2001	Thuật	6,0	Sáu	C23CK1	
21	2110040017	Lê Minh	Trí	01/11/2003	Trí	6,0	Sáu	C23CK1	
22	2110040032	Võ Bá	Tùng	02/06/2003	Tùng	7,0	Bảy	C23CK1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 22 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 22 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 5 *tháng* 3 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 5 *tháng* 3 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

Ngày in: 15:50 15/03/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: MH110902701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 22 2 22 **Giờ thi:** 10 giờ 30 **Phòng thi:** Trực tuyến

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040056	Nguyễn Tấn	An	06/04/2003		9,0	chín	C23CK2	
2	2110040051	Nguyễn Chí	Cường	13/06/2002		10,0	Mười	C23CK2	
3	2110040068	Nguyễn Tiến	Đạt	14/02/2003		9,0	chín	C23CK2	
4	2110040039	Nguyễn Hồng	Đức	01/08/2000		/	/	C23CK2	
5	2110040044	Nguyễn Hoàng	Hải	02/03/2003		9,0	chín	C23CK2	
6	2110040058	Nguyễn Phúc Gia	Hưng	17/06/2002		10,0	Mười	C23CK2	
7	2110040054	Nguyễn Tấn	Hưng	20/10/2003		10,0	Mười	C23CK2	
8	2110040041	Lư Nguyễn Đăng	Khoa	10/05/2002		10,0	Mười	C23CK2	
9	2110040057	Trần Đình	Khoa	10/04/2003		10,0	Mười	C23CK2	
10	2110040038	Nguyễn Hoàng	Lâm	08/08/2003		10,0	Mười	C23CK2	
11	2110040045	Trần Hữu	Liêm	15/12/2003		10,0	Mười	C23CK2	
12	2110040042	Bùi Danh	Mạnh	21/10/2003		10,0	Mười	C23CK2	
13	2110040040	Mai Bá Vạn	Minh	26/07/2003		8,0	Tám	C23CK2	
14	2110040036	Nguyễn Trọng	Nghĩa	07/02/2003		10,0	Mười	C23CK2	
15	2110040067	Nguyễn Trọng	Nghĩa	12/05/2003		10,0	Mười	C23CK2	
16	2110040059	Nguyễn Hoàng	Phúc	06/06/2003		10,0	Mười	C23CK2	
17	2110040048	Phan Thanh	Tân	19/07/2003		10,0	Mười	C23CK2	
18	2110040046	Nguyễn Lộc	Thịnh	21/02/2003		10,0	Mười	C23CK2	
19	2110040055	Nguyễn Trường	Thọ	23/12/2003		10,0	Mười	C23CK2	
20	2110040037	Trần Minh	Thuận	22/06/2003		8,5	Tám năm	C23CK2	
21	2110040053	Lê Hoàng	Trung	06/05/2003		10,0	Mười	C23CK2	
22	2110040065	Bùi Quốc	Tuấn	16/09/2003		10,0	Mười	C23CK2	
23	2110040049	Huỳnh Anh	Vũ	06/11/2003		10,0	Mười	C23CK2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 22 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi:** 22 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày. 3 *..tháng...*3 *năm..*2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày. 3 *..tháng* 3 *năm...*2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

Ngày in: 15:46 15/03/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027
Mã lớp học phần: MH110902701 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)
Ngày thi: 1.3.2022 **Giờ thi:** 10g30 **Phòng thi:** A1.7

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040056	Nguyễn Tấn	An	06/04/2003		10,0	Mười	C23CK2	
2	2110040051	Nguyễn Chí	Cường	13/06/2002		7,0	Bảy	C23CK2	
3	2110040068	Nguyễn Tiến	Đạt	14/02/2003		8,0	Tám	C23CK2	
4	2110040039	Nguyễn Hồng	Đức	01/08/2000	/	/	/	C23CK2	
5	2110040044	Nguyễn Hoàng	Hải	02/03/2003		7,0	Bảy	C23CK2	
6	2110040058	Nguyễn Phúc Gia	Hưng	17/06/2002		10,0	Mười	C23CK2	
7	2110040054	Nguyễn Tấn	Hưng	20/10/2003		10,0	Mười	C23CK2	
8	2110040041	Lư Nguyễn Đăng	Khoa	10/05/2002		8,0	Tám	C23CK2	
9	2110040057	Trần Đình	Khoa	10/04/2003		10,0	Mười	C23CK2	
10	2110040038	Nguyễn Hoàng	Lâm	08/08/2003		5,0	Năm	C23CK2	
11	2110040045	Trần Hữu	Liêm	15/12/2003		5,0	Năm	C23CK2	
12	2110040042	Bùi Danh	Mạnh	21/10/2003		7,5	Bảy năm	C23CK2	
13	2110040040	Mai Bá Vạn	Minh	26/07/2003		7,0	Bảy	C23CK2	
14	2110040036	Nguyễn Trọng	Nghĩa	07/02/2003		8,0	Tám	C23CK2	
15	2110040067	Nguyễn Trọng	Nghĩa	12/05/2003		6,0	Sáu	C23CK2	
16	2110040059	Nguyễn Hoàng	Phúc	06/06/2003		7,5	Bảy năm	C23CK2	
17	2110040048	Phan Thanh	Tân	19/07/2003		5,0	Năm	C23CK2	
18	2110040046	Nguyễn Lộc	Thịnh	21/02/2003		6,0	Sáu	C23CK2	
19	2110040055	Nguyễn Trường	Thọ	23/12/2003		10,0	Mười	C23CK2	
20	2110040037	Trần Minh	Thuận	22/06/2003		8,0	Tám	C23CK2	
21	2110040053	Lê Hoàng	Trung	06/05/2003		8,5	Tám năm	C23CK2	
22	2110040065	Bùi Quốc	Tuấn	16/09/2003		8,0	Tám	C23CK2	
23	2110040049	Huỳnh Anh	Vũ	06/11/2003		6,5	Sáu năm	C23CK2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 22 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi:** 22 / _____.
Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 5 *tháng* 3 *năm* 2022
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 5 *tháng* 3 *năm* 2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

Ngày in: 15:47 15/03/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: MH110902701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 13.22 **Giờ thi:** 10g30 **Phòng thi:** A17

Giám thị 1: Trg T. N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040029	Võ Quốc	**Anh**	18/02/2002		7,0	Bảy	C23CK1	Nợ HP
2	2110040034	Trương Hữu	**Bền**	05/12/2003		7,0	Bảy	C23CK1	
3	2110040009	Trần Phú	**Hào**	29/07/2003		7,0	Bảy	C23CK1	
4	2110040024	Hoàng Văn	**Huấn**	30/09/2003		6,0	Sáu	C23CK1	
5	2110040043	Vương Bảnh	**Huy**	25/11/2003		7,0	Bảy	C23CK2	
6	2110040007	Trương Văn	**Kiệt**	27/07/2003		7,0	Bảy	C23CK1	
7	2110040025	Nguyễn Hoàng	**Mi**	09/06/2002		6,0	Sáu	C23CK1	
8	2110040071	Nguyễn Thanh	**Minh**	29/04/2003		9,0	chín	C23CK2	
9	2110040022	Trần Trọng	**Tấn**	16/11/2003		7,0	Bảy	C23CK1	
10	2110040005	Tô Minh	**Thạnh**	25/10/2003		9,0	chín	C23CK1	
11	2110040008	Đặng Thiên	**Tình**	16/08/2003		6,0	Sáu	C23CK1	
12	2110040013	Đào Mai	**Tường**	22/01/2003		7,0	Bảy	C23CK1	
13	2110040062	Nguyễn Khắc	**Viên**	04/02/2003		6,0	Sáu	C23CK2	
14	2110040063	Nguyễn Mẫn	**Xuyên**	25/03/2003		9,0	chín	C23CK2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 14 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 14 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 14 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 5 *tháng* 3 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 5 *tháng* 3 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: MH110902701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 22.2.22 **Giờ thi:** 10giờ30 **Phòng thi:** Trực tuyến

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040029	Võ Quốc	Anh	18/02/2002	Anh	8,0	Tám	C23CK1	Nợ HP
2	2110040034	Trương Hữu	Bền	05/12/2003	Bền	9,0	chín	C23CK1	
3	2110040009	Trần Phú	Hào	29/07/2003	Hào	7,0	Bảy	C23CK1	
4	2110040024	Hoàng Văn	Huấn	30/09/2003	Huấn	8,0	Tám	C23CK1	
5	2110040043	Vương Bảnh	Huy	25/11/2003	Huy	9,0	chín	C23CK2	
6	2110040007	Trương Văn	Kiệt	27/07/2003	Kiệt	10,0	Mười	C23CK1	
7	2110040025	Nguyễn Hoàng	Mi	09/06/2002	Mi	8,0	Tám	C23CK1	
8	2110040071	Nguyễn Thanh	Minh	29/04/2003	Minh	8,0	Tám	C23CK2	
9	2110040022	Trần Trọng	Tấn	16/11/2003	Tấn	9,0	chín	C23CK1	
10	2110040005	Tô Minh	Thạnh	25/10/2003	Thạnh	9,0	chín	C23CK1	
11	2110040008	Đặng Thiên	Tình	16/08/2003	Tình	10,0	Mười	C23CK1	
12	2110040013	Đào Mai	Tường	22/01/2003	Tường	9,0	chín	C23CK1	
13	2110040062	Nguyễn Khắc	Viên	04/02/2003	Viên	7,0	Bảy	C23CK2	
14	2110040063	Nguyễn Mẫn	Xuyên	25/03/2003	Xuyên	9,0	chín	C23CK2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 14 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 14 /_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 14 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày. 3 *tháng* 3 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày. 3 *tháng* 3 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2021-2022

Môn học: Tiếng Anh 2
Mã bài thi: KYD9F3
Thời gian thi: 07/04/2022 09:30:00
Thời gian kết thúc: 07/04/2022 10:30:00

Giám thị 1: Châu Lê Sơn Ký tên:
Giám thị 2: Ng Tiến Dũng Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên:
Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040009	Trần Phú Hào	29/07/2003		5.6	Năm, sáu	C23CK1	
2	2110040024	Hoàng Văn Huấn	30/09/2003		3.2	Ba, hai	C23CK1	
3	2110040043	Vương Bảnh Huy	25/11/2003		4.6	Bốn, sáu	C23CK2	
4	2110040007	Trương Văn Kiệt	27/07/2003		7.2	Bảy, hai	C23CK1	
5	2110040025	Nguyễn Hoàng Mi	09/06/2002		7	Bảy	C23CK1	
6	2110040071	Nguyễn Thanh Minh	29/04/2003		4.6	Bốn, sáu	C23CK2	
7	2110040022	Trần Trọng Tấn	16/11/2003		7.8	Bảy, tám	C23CK1	
8	2110040005	Tô Minh Thạnh	25/10/2003		5.8	Năm, tám	C23CK1	
9	2110040008	Đặng Thiên Tình	16/08/2003		6	Sáu	C23CK1	
10	2110040017	Lê Minh Trí	01/11/2003		6.6	Sáu, sáu	C23CK1	
11	2110040053	Lê Hoàng Trung	06/05/2003		4.6	Bốn, sáu	C23CK2	
12	2110040065	Bùi Quốc Tuấn	16/09/2003		6.2	Sáu, hai	C23CK2	
13	2110040032	Võ Bá Tùng	02/06/2003		6.6	Sáu, sáu	C23CK1	
14	2110040013	Đào Mai Tường	22/01/2003		6	Sáu	C23CK1	
15	2110040062	Nguyễn Khắc Viên	04/02/2003		5.4	Năm, bốn	C23CK2	
16	2110040049	Huỳnh Anh Vũ	06/11/2003		4.2	Bốn, hai	C23CK2	
17	2110040063	Nguyễn Mẫn Xuyên	25/03/2003		5.6	Năm, sáu	C23CK2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 17 **Số sinh viên đạt: 16**

Ngày 7 tháng 4 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 7 tháng 4 năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027
Mã lớp học phần: MH110902701 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu
Ngày thi: 07/04/2022 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 4**

Giám thị 1: Châu Lê Sơn Ký tên:
Giám thị 2: Nguyễn Tiến Dũng Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040009	Trần Phú	**Hào**	29/07/2003					C23CK1	
2	2110040024	Hoàng Văn	**Huấn**	30/09/2003					C23CK1	
3	2110040043	Vương Bảnh	**Huy**	25/11/2003					C23CK2	
4	2110040007	Trương Văn	**Kiệt**	27/07/2003					C23CK1	
5	2110040025	Nguyễn Hoàng	**Mi**	09/06/2002					C23CK1	
6	2110040071	Nguyễn Thanh	**Minh**	29/04/2003					C23CK2	
7	2110040022	Trần Trọng	**Tấn**	16/11/2003					C23CK1	
8	2110040005	Tô Minh	**Thạnh**	25/10/2003					C23CK1	
9	2110040008	Đặng Thiên	**Tình**	16/08/2003					C23CK1	
10	2110040017	Lê Minh	**Trí**	01/11/2003					C23CK1	
11	2110040053	Lê Hoàng	**Trung**	06/05/2003					C23CK2	
12	2110040065	Bùi Quốc	**Tuấn**	16/09/2003					C23CK2	
13	2110040032	Võ Bá	**Tùng**	02/06/2003					C23CK1	
14	2110040013	Đào Mai	**Tường**	22/01/2003					C23CK1	
15	2110040062	Nguyễn Khắc	**Viên**	04/02/2003					C23CK2	
16	2110040049	Huỳnh Anh	**Vũ**	06/11/2003					C23CK2	
17	2110040063	Nguyễn Mẫn	**Xuyên**	25/03/2003					C23CK2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 17 / .

Số sinh viên đạt: **Tỷ lệ đạt:** %

Ngày 7 tháng 4 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oa

Ngày 7 tháng 4 năm 2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2021-2022

Môn học: Tiếng Anh 2
Mã bài thi: 4G4WZY
Thời gian thi: 07/04/2022 09:30:00
Thời gian kết thúc: 07/04/2022 10:30:00

Giám thị 1: PV Dũng Ký tên:
Giám thị 2: PA Thắng Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040026	Nguyễn Danh Hoài An	06/01/2003		6.6	Sáu, sáu	C23CK1	
2	2110040056	Nguyễn Tấn An	04/06/2003		7.4	Bảy, bốn	C23CK2	
3	2110040074	Nguyễn Quốc Anh	10/07/2002		7.2	Bảy, hai	C23CK3	
4	2110040015	Nguyễn Quốc Bảo	13/08/2003		5	Năm	C23CK1	
5	2110040034	Trương Hữu Bền	05/12/2003		3.8	Ba, tám	C23CK1	
6	2110040031	Nguyễn Hoài Cảnh	19/11/2003		6.8	Sáu, tám	C23CK1	
7	2110040021	La Đình Chương	19/10/2003		4.4	Bốn, bốn	C23CK1	
8	2110040014	Châu Tiên Cường	06/10/2002		4	Bốn	C23CK1	
9	2110040051	Nguyễn Chí Cường	13/06/2002		6.2	Sáu, hai	C23CK2	
10	2110040068	Nguyễn Tiến Đạt	14/02/2003		5.4	Năm, bốn	C23CK2	
11	2110040012	Bùi Thành Đạt	18/10/2003		4.8	Bốn, tám	C23CK1	
12	2110040018	Nguyễn Văn Dự	15/10/2003		4.6	Bốn, sáu	C23CK1	
13	2110040027	Huỳnh Thanh Hải	29/11/2000		5.6	Năm, sáu	C23CK1	
14	2110040044	Nguyễn Hoàng Hải	02/03/2003		5.4	Năm, bốn	C23CK2	
15	2110040058	Nguyễn Phúc Gia Hưng	17/06/2002		8.8	Tám, tám	C23CK2	
16	2110040054	Nguyễn Tấn Hưng	20/10/2003		6.2	Sáu, hai	C23CK2	
17	2110040004	Lê Văn Vũ Hưng	27/11/2003		4.8	Bốn, tám	C23CK1	
18	2110040023	Bùi Quốc Huy	14/01/2003		6.4	Sáu, bốn	C23CK1	
19	2110040028	Nguyễn Hữu Khánh	07/05/2001		5	Năm	C23CK1	
20	2110040057	Trần Đình Khoa	10/04/2003		8.6	Tám, sáu	C23CK2	
21	2110040041	Lư Nguyễn Đăng Khoa	10/05/2002		8.2	Tám, hai	C23CK2	
22	2110040038	Nguyễn Hoàng Lâm	08/08/2003		7.2	Bảy, hai	C23CK2	
23	2110040045	Trần Hữu Liêm	15/12/2003		8.2	Tám, hai	C23CK2	
24	2110040042	Bùi Danh Mạnh	21/10/2003		7.6	Bảy, sáu	C23CK2	
25	2110040040	Mai Bá Vạn Minh	26/07/2003		6.8	Sáu, tám	C23CK2	
26	2110040072	Lê Nguyễn Hoàng Nam	10/10/2003		7	Bảy	C23CK3	
27	2110040011	Nguyễn Hoàng Nam	20/02/2003		7.8	Bảy, tám	C23CK1	
28	2110040036	Nguyễn Trọng Nghĩa	07/02/2003		8.4	Tám, bốn	C23CK2	
29	2110040067	Nguyễn Trọng Nghĩa	12/05/2003		6.8	Sáu, tám	C23CK2	
30	2110040003	Nguyễn Hoàng Phúc	11/11/2003		6.6	Sáu, sáu	C23CK1	
31	2110040059	Nguyễn Hoàng Phúc	06/06/2003		8.6	Tám, sáu	C23CK2	
32	2110040006	Đoàn Vĩnh Quang	27/05/2003		8.2	Tám, hai	C23CK1	
33	2110040048	Phan Thanh Tân	19/07/2003		8.2	Tám, hai	C23CK2	
34	2110040046	Nguyễn Lộc Thịnh	21/02/2003		8.6	Tám, sáu	C23CK2	
35	2110040010	Nguyễn Đức Thịnh	29/01/2003		7	Bảy	C23CK1	
36	2110040055	Nguyễn Trường Thọ	23/12/2003		6.2	Sáu, hai	C23CK2	
37	2110010109	Nguyễn Ái Quang Thoại	04/06/2003		7.8	Bảy, tám	C23CK3	
38	2110040037	Trần Minh Thuận	22/06/2003		9	Chín	C23CK2	
39	2110040001	La Đặng Nguyên Thuật	14/10/2001		6.8	Sáu, tám	C23CK1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 39

Số sinh viên đạt: 38

Ngày 7 tháng 4 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 7 tháng 4 năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027
Mã lớp học phần: MH110902701 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu
Ngày thi: 07/04/2022 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: P. V. Dũng Ký tên:
Giám thị 2: P. Q. Sáng Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040026	Nguyễn Danh Hoài	**An**	06/01/2003					C23CK1	
2	2110040056	Nguyễn Tấn	**An**	06/04/2003					C23CK2	
3	2110040074	Nguyễn Quốc	**Anh**	10/07/2002					C23CK1	
4	2110040015	Nguyễn Quốc	**Bảo**	13/08/2003					C23CK1	
5	2110040002	Trần Gia	**Bảo**	23/10/2003					C23CK1	
6	2110040034	Trương Hữu	**Bền**	05/12/2003					C23CK1	
7	2110040031	Nguyễn Hoài	**Cảnh**	19/11/2003					C23CK1	
8	2110040021	La Đình	**Chương**	19/10/2003					C23CK1	
9	2110040014	Châu Tiên	**Cường**	06/10/2002					C23CK1	
10	2110040051	Nguyễn Chí	**Cường**	13/06/2002					C23CK2	
11	2110040018	Nguyễn Văn	**Dự**	15/10/2003					C23CK1	
12	2110040012	Bùi Thành	**Đạt**	18/10/2003					C23CK1	
13	2110040068	Nguyễn Tiến	**Đạt**	14/02/2003					C23CK2	
14	2110040027	Huỳnh Thanh	**Hải**	29/11/2000					C23CK1	
15	2110040044	Nguyễn Hoàng	**Hải**	02/03/2003					C23CK2	
16	2110040023	Bùi Quốc	**Huy**	14/01/2003					C23CK1	
17	2110040004	Lê Văn Vũ	**Hưng**	27/11/2003					C23CK1	
18	2110040058	Nguyễn Phúc Gia	**Hưng**	17/06/2002					C23CK2	
19	2110040054	Nguyễn Tấn	**Hưng**	20/10/2003					C23CK2	
20	2110040028	Nguyễn Hữu	**Khánh**	07/05/2001					C23CK1	
21	2110040041	Lư Nguyễn Đăng	**Khoa**	10/05/2002					C23CK2	
22	2110040057	Trần Đình	**Khoa**	10/04/2003					C23CK2	
23	2110040038	Nguyễn Hoàng	**Lâm**	08/08/2003					C23CK2	
24	2110040045	Trần Hữu	**Liêm**	15/12/2003					C23CK2	
25	2110040042	Bùi Danh	**Mạnh**	21/10/2003					C23CK2	
26	2110040040	Mai Bá Vạn	**Minh**	26/07/2003					C23CK2	
27	2110040072	Lê Nguyễn Hoàng	**Nam**	10/10/2003					C23CK1	
28	2110040011	Nguyễn Hoàng	**Nam**	20/02/2003					C23CK1	
29	2110040036	Nguyễn Trọng	**Nghĩa**	07/02/2003					C23CK2	
30	2110040067	Nguyễn Trọng	**Nghĩa**	12/05/2003					C23CK2	
31	2110040003	Nguyễn Hoàng	**Phúc**	11/11/2003					C23CK1	
32	2110040059	Nguyễn Hoàng	**Phúc**	06/06/2003					C23CK2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110040006	Đoàn Vĩnh	**Quang**	27/05/2003					C23CK1	
34	2110040048	Phan Thanh	**Tân**	19/07/2003					C23CK2	
35	2110040010	Nguyễn Đức	**Thịnh**	29/01/2003					C23CK1	
36	2110040046	Nguyễn Lộc	**Thịnh**	21/02/2003					C23CK2	
37	2110010109	Nguyễn Ái Quang	**Thoại**	06/04/2003					C23CK1	
38	2110040055	Nguyễn Trường	**Thọ**	23/12/2003					C23CK2	
39	2110040037	Trần Minh	**Thuận**	22/06/2003					C23CK2	
40	2110040001	La Đặng Nguyên	**Thuật**	14/10/2001					C23CK1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 39 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:**_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

Ngày 7 *tháng* 4 *năm* 2022
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 7 *tháng* 4 *năm* 2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG CĐ BC CÔ
PHÒ
KHẢO THÍ VÀ